



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Ngày 31/12/2025	10,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	20.5%	12.0%	45.0%

DT thuần Q4/25
673
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 110 19.6%
YoY: ▲ 18.0 2.8%

LN thuần Q4/25
29.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.80 50.1%
YoY: ▲ 13.3 82.9%

LN sau thuế Q4/25
24.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.70 38.2%
YoY: ▲ 10.0 70.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
4.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

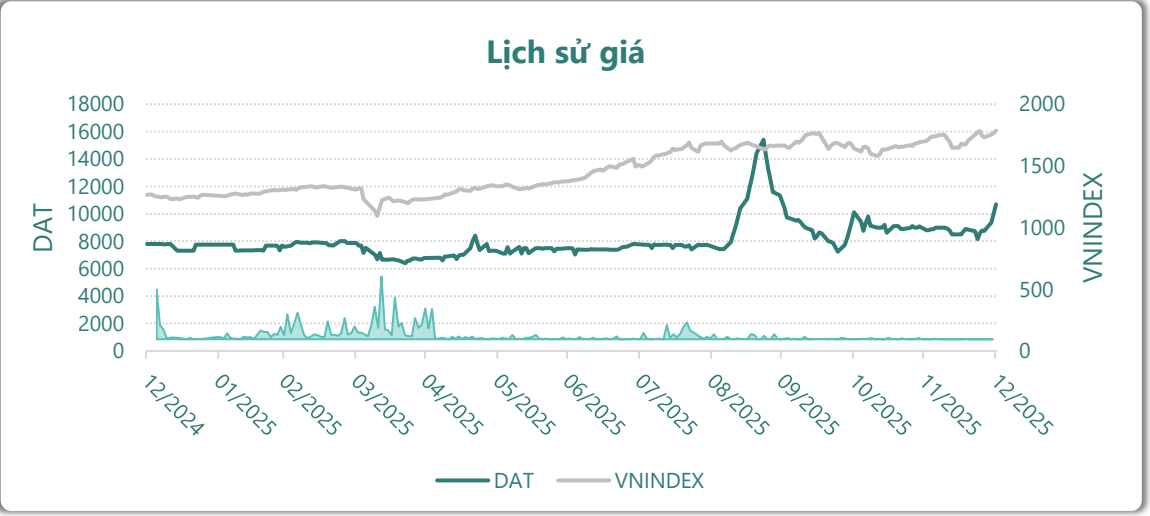
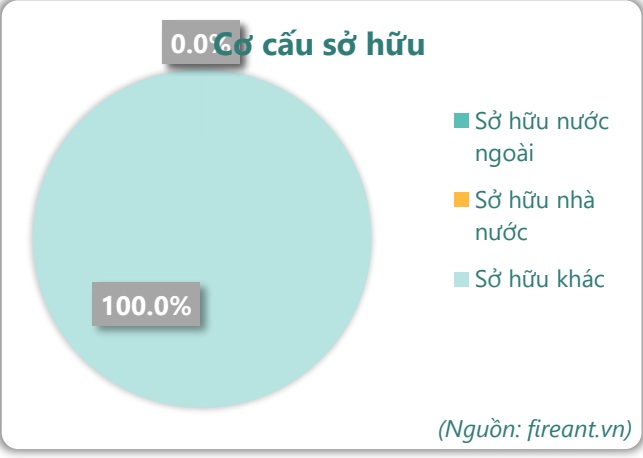
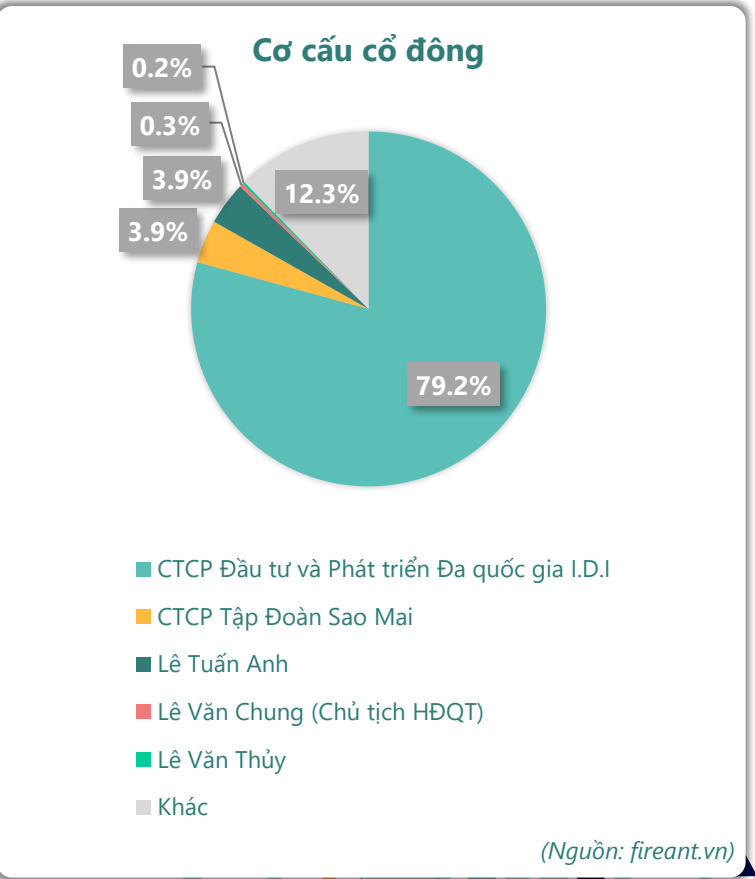
ROE 2025
7.8%
YoY: +/-▲ 0.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 15,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	741
Số lượng CPLH (CP)	69,228,341
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,845
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	1,037
P/E	10.3

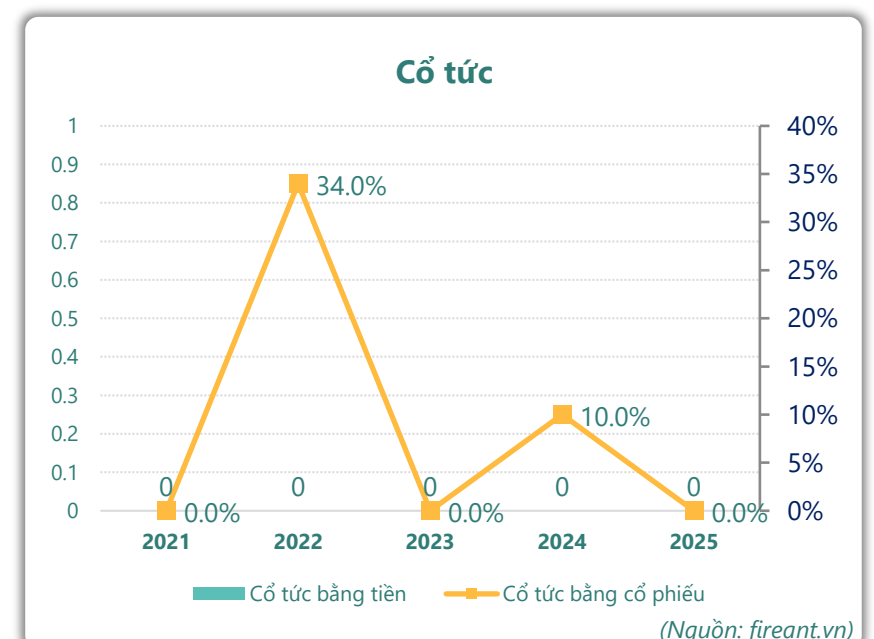
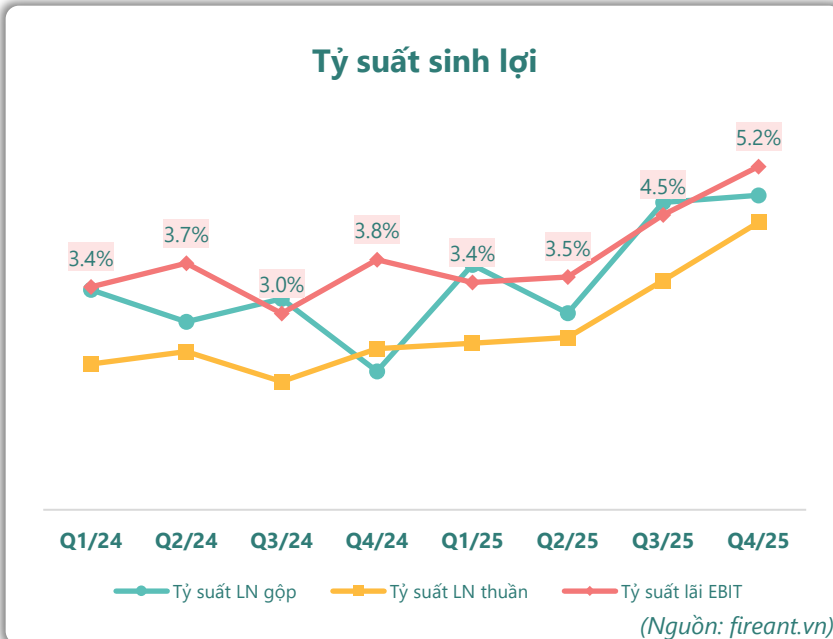
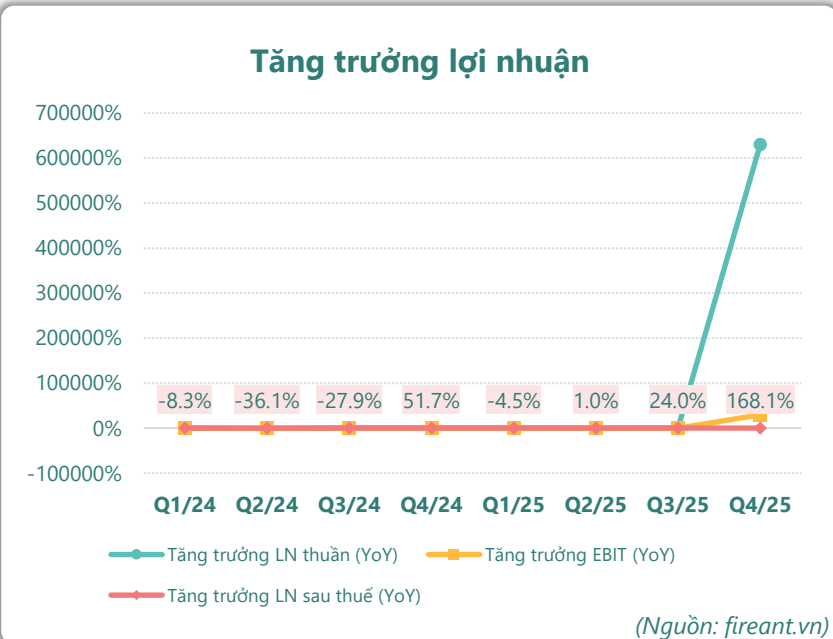
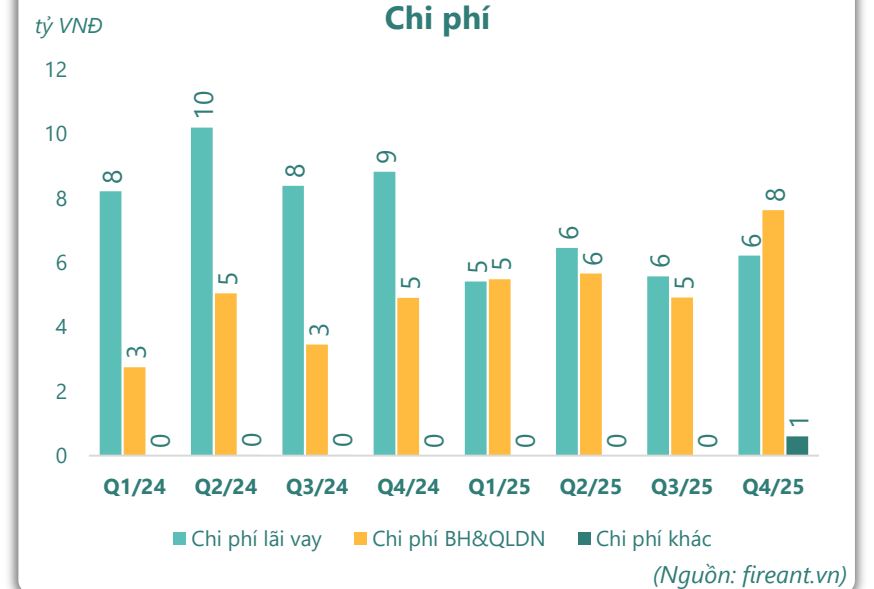
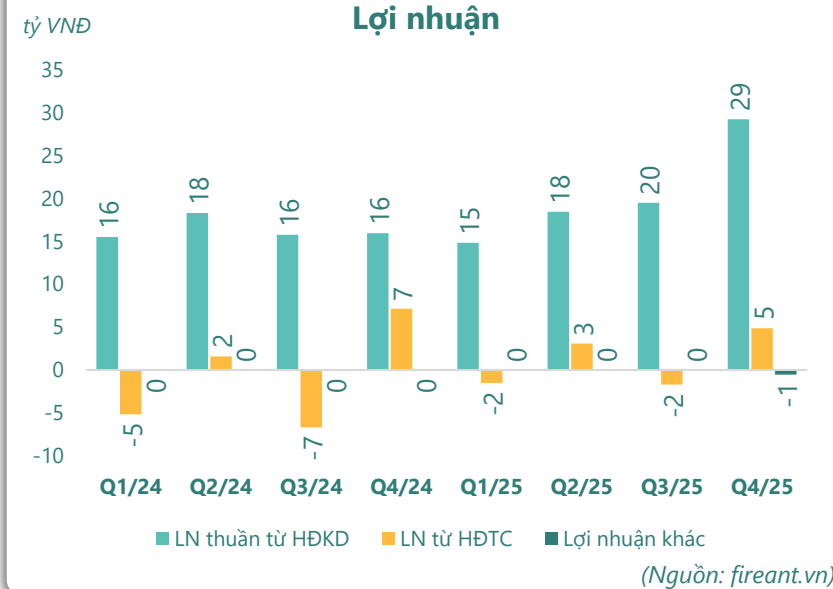
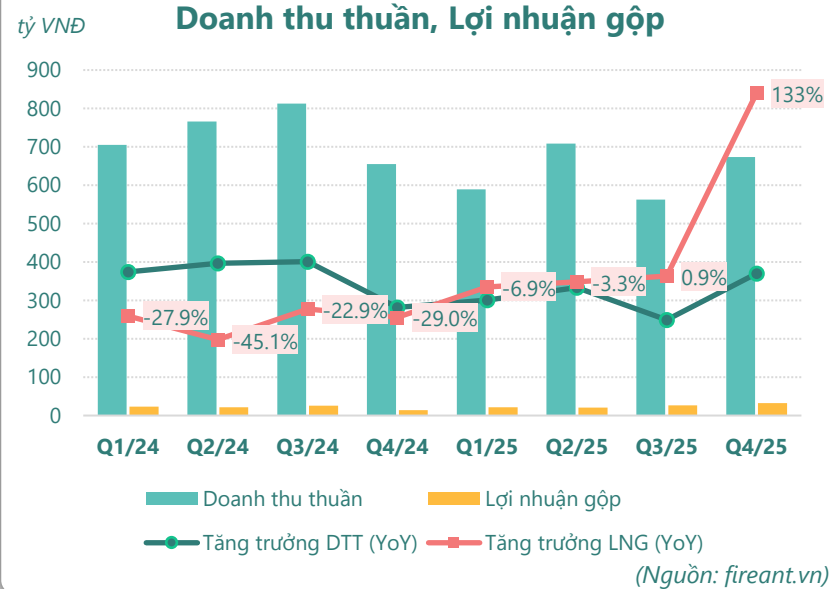
DT thuần 2025
2,534
tỷ VNĐ
YoY: ▼405 -13.8%

LN thuần 2025
82.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.5 25.2%

LN sau thuế 2025
71.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9 22.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

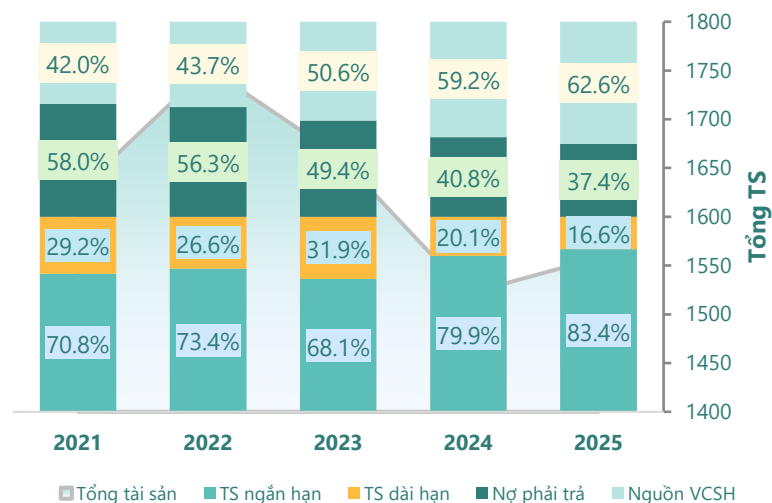




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

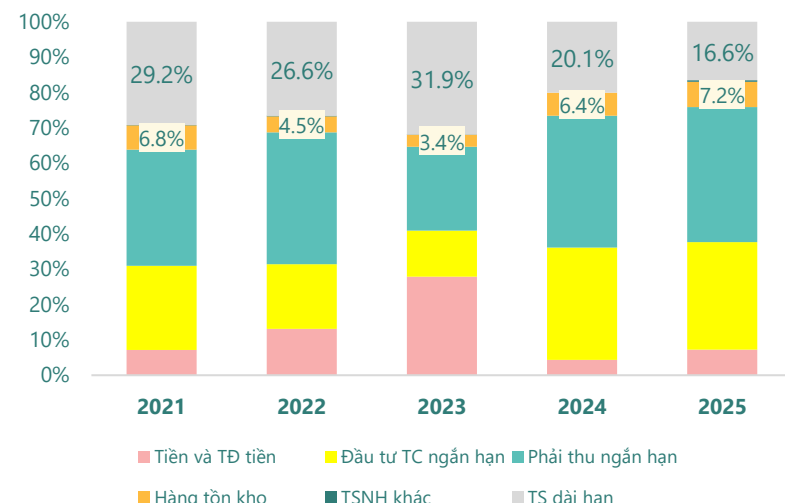
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

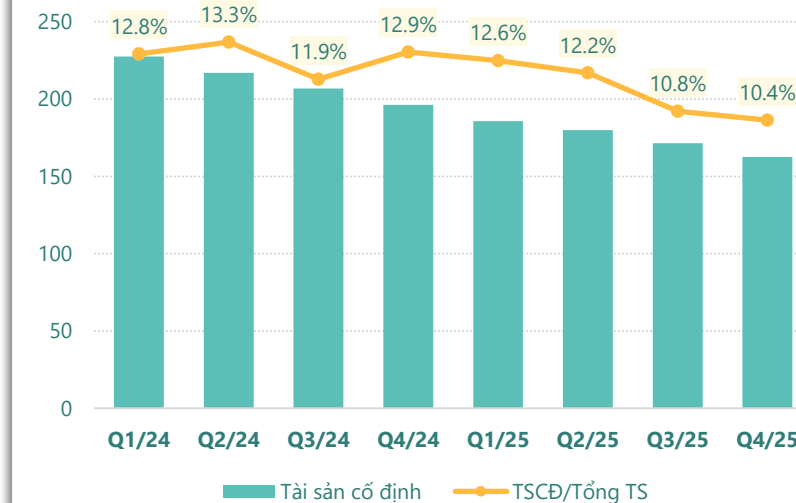
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

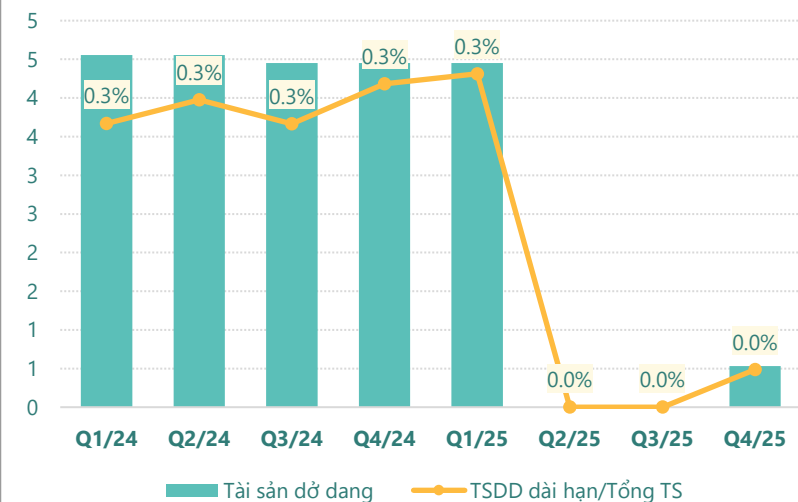
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

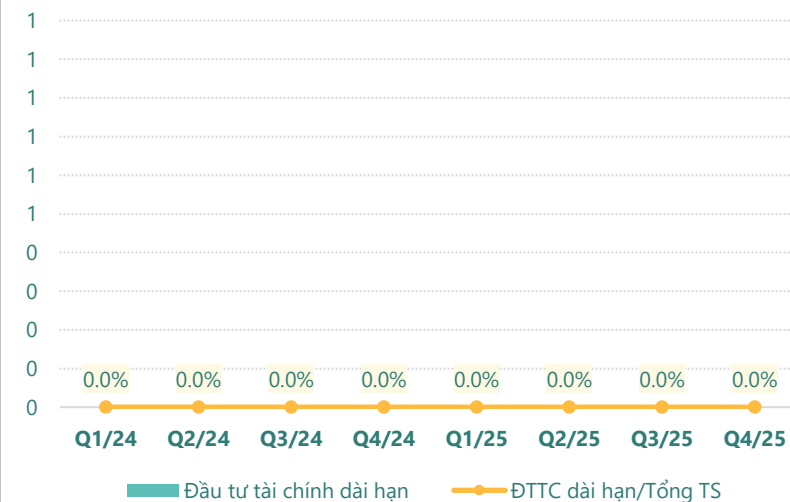
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

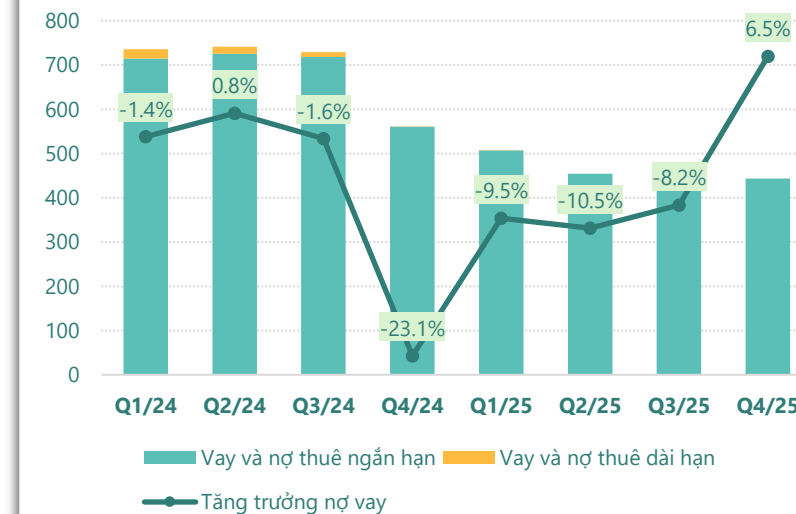
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

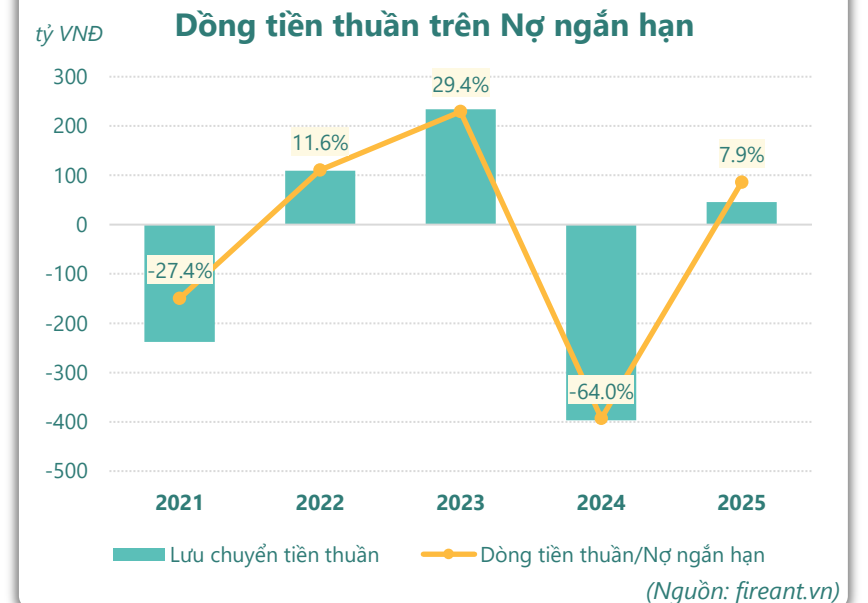
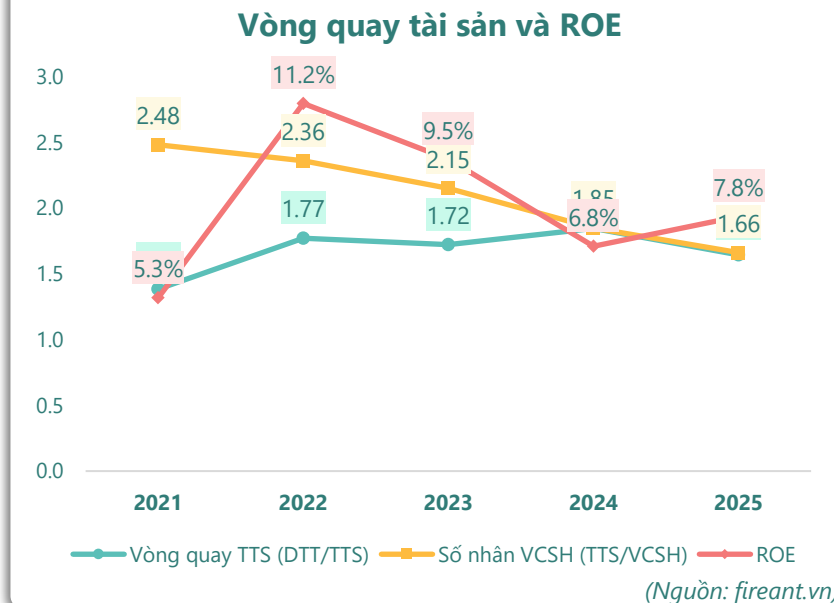
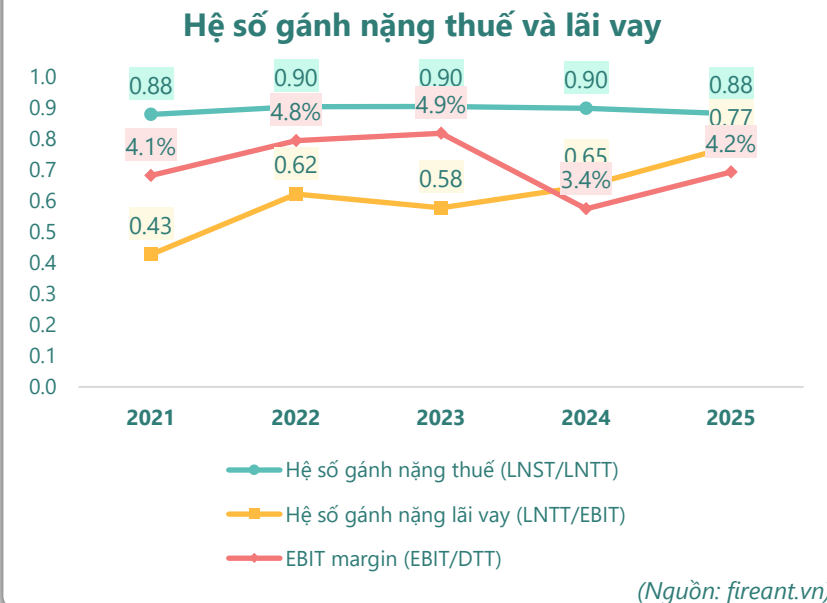
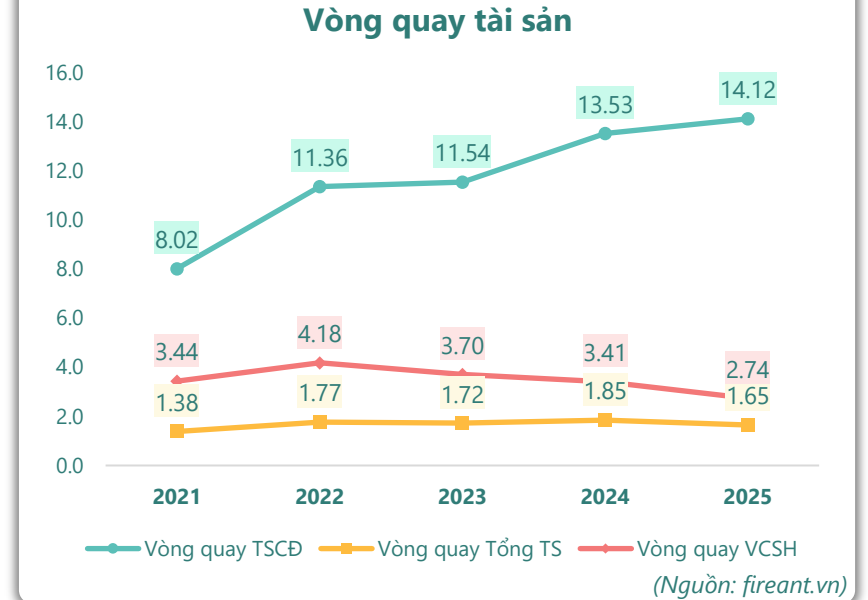
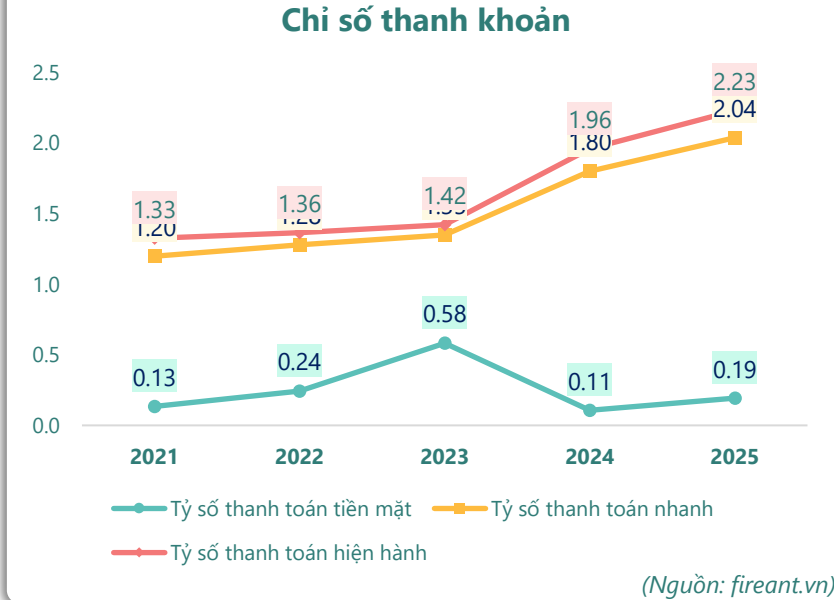
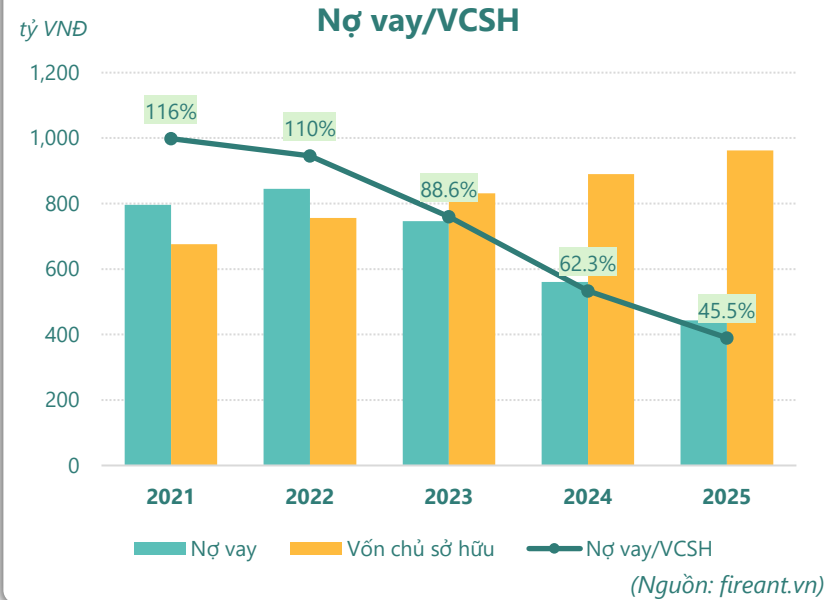
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	673	655	2.8%	2,534	2,939	-13.8%
Giá vốn hàng bán	641	642	-0.1%	2,433	2,854	-14.8%
Lợi nhuận gộp	32.0	13.7	134%	101	84.9	19.1%
Doanh thu HĐTC	11.2	17.8	-36.9%	29.7	35.7	-16.7%
Chi phí TC	6.36	10.7	-40.5%	25.0	38.9	-35.6%
Chi phí lãi vay	6.23	8.84	-29.5%	23.7	35.7	-33.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.63	2.54	3.7%	9.96	6.16	61.6%
Chi phí QLDN	5.00	2.37	111%	13.8	10.0	37.5%
LN thuần từ HĐKD	29.3	16.0	82.9%	82.1	65.6	25.2%
Lợi nhuận khác	-0.53	0.00		-0.53	-0.02	-2842%
LN trước thuế	28.7	16.0	79.6%	81.6	65.5	24.4%
Lợi nhuận sau thuế	24.3	14.3	70.1%	71.8	58.9	22.0%
LNST của CĐ cty mẹ	24.3	14.3	70.1%	71.8	58.9	22.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.0	30.5	69.2	69.7	26.4	-35.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.06	119	16.1	-26.2	26.3	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.2	-170	-53.1	-52.3	-36.7	27.1
Tiền đầu kỳ	115	88.0	66.3	98.4	89.7	106
Lưu chuyển tiền thuần	-27.3	-21.2	32.2	-8.76	15.9	6.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.48	0	0.02	0	-0.02
Tiền cuối kỳ	88.0	66.3	98.4	89.7	106	112

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,558	1,521	2.4%
Tài sản ngắn hạn	1,300	1,215	6.9%
Tiền và tương đương tiền	112	66.3	69.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	475	483	-1.7%
Phải thu ngắn hạn	594	568	4.6%
Hàng tồn kho	112	98.0	14.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.55	0	
Tài sản dài hạn	258	306	-15.6%
Phải thu dài hạn	1.25	1.90	-34.0%
Tài sản cố định	163	196	-17.2%
Bất động sản đầu tư	92.8	101	-8.0%
Tài sản dở dang	0.53	4.45	-88.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.01	2.20	-54.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	582	621	-6.1%
Nợ ngắn hạn	582	620	-6.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	444	560	-20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	120	14.6	721%
Nợ dài hạn	0	0.35	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.35	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	975	901	8.3%
Vốn chủ sở hữu	962	890	8.1%
Vốn điều lệ	692	692	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	13.1	10.3	27.7%

(Nguồn: fireant.vn)

